TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 603/2022/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 701/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 18/3/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị Tú Tr**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 4/1B, đường Dương Bạch Mai, tổ 1, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Anh **Ngô Thiện Nh**, sinh năm 1973.

Địa chỉ liên lạc: Số 4/1B, đường Dương Bạch Mai, tổ 1, khu phố 7, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thiện Nh và chị Nguyễn Thị Tú T tự nguyện tìm hiểu nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/10/2002 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay anh Nhân và chị Trinh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Ngô Tư Hân, sinh ngày 20/7/2004; cháu Ngô Mỹ Nhàn, sinh ngày 01/01/2008 và cháu Ngô Thanh Vân, sinh ngày 18/11/2012. Ly hôn, anh Nhân và chị Trinh thỏa thuận giao 03 con chung cho chị Trinh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Nhân cấp dưỡng nuôi con 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)/03 con chung/01 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Ngô Thiện Nh mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ chị T và anh Nh đã nộp theo biên lai thu số 0001783 ngày 14/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Thiện Nh và chị Nguyễn Thị Tú Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Tú Trinh và anh Ngô Thiện Nhân. Giao các con chung là cháu Ngô Tư Hân, sinh ngày 20/7/2004; cháu Ngô Mỹ Nhàn, sinh ngày 01/01/2008 và cháu Ngô Thanh Vân, sinh ngày 18/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Tú Trinh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Ngô Thiện Nhân cấp dưỡng nuôi các con chung số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu)/03 con chung/01 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Ngô Thiện Nh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Ngô Thiện Nh thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Tú Tr và anh Ngô Thiện Nh mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ chị Nguyễn Thị Tú Tr và anh Ngô Thiện Nh đã nộp theo biên lai thu số 0001783 ngày 14/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào